TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2019
(V/v ly hôn giữa chị H và anh C)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Mùng Thị Hiền**

2. Ông **Vũ Văn Học**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông **Hồ Lỷ Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lục Thị H** - Sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Nùng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú (tạm trú): Nhà ông H, thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lý Văn C** - Sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng; Dân tộc: H'Mông; Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lục Thị H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Lý Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh L vào ngày 04/7/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh C không tin tưởng chị, nghi ngờ chị ngoại tình. Vào dịp nghỉ Tết dương lịch chị H xin anh C đi chơi với bạn

gái nhưng khi về nhà anh C nghi ngờ chị ngoại tình. Lúc này, mọi cử chỉ, hành động nhỏ của nhau cũng có thể thành chủ đề để cãi nhau, hai vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân. Đỉnh điểm là vào dịp Tết nguyên đán năm 2019, vợ chồng cãi nhau dẫn đến chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện V, tỉnh L. Vợ chồng từ đó không gặp nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu cháu Lý Xuân T (sinh ngày 21/11/2016), hiện cháu đang sống cùng chị tại nhà trọ ông H, thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi vì hiện nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, không yêu cầu anh Lý Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không tạo lập được khối tài sản chung nào, cũng không có công nợ chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản riêng: Vợ chồng chị không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 02/5/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lý Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, anh C nhất trí ly hôn vì hiện nay đã hết tình cảm với chị H. Về mâu thuẫn vợ chồng: Vào ngày 01/01/2019, dịp nghỉ Tết dương lịch chị H xin anh C đi chơi 02 ngày nhưng đã tự ý bỏ đi chơi với bạn 03 ngày liên tục, anh gọi điện thì tắt máy, không liên lạc được. Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn, tuy sống cùng nhà nhưng đã sống ly thân. Đến ngày 06/02/2019 (mùng 02 Tết nguyên đán), anh phát hiện chị H ngoại tình (phát hiện qua tin nhắn, hình ảnh Zalo), chị H đã xin lỗi anh nhưng sau đó tự ý bỏ đi ngay ngày hôm đó về nhà bố mẹ đẻ (tại xã T, huyện V, tỉnh L). Từ đó, hai vợ chồng không còn gặp nhau nữa, gọi điện thì chỉ Huyền không nghe, chỉ nhắn tin. Qua tin nhắn anh đã khuyên bảo để hai vợ chồng quay lại với nhau nhưng chị H không nghe.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung là cháu Lý Xuân T (sinh ngày 21/11/2016). Nếu phải ly hôn, anh không nhất trí việc giao con chung cho chị Lục Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Lục Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do: Với tính chất công việc của chị H hiện nay không có đủ thời gian dành cho con. Hơn nữa, hiện nay, anh đã đi làm và cũng có thu nhập trên 9 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không tạo lập được khối tài sản chung nào, không có công nợ chung với ai nên nếu phải ly hôn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án phù hợp quy định từ Điều 170 đến Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Thư ký đã phổ biến nội quy phiên tòa đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng thành phần đã nêu trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự xét xử vụ án. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa đúng quy định từ Điều 249 đến 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật theo quy định tại các điều 70, 71, 227 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72, 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Lục Thị H ly hôn với anh Lý Văn C. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lý Xuân T (sinh ngày 21/11/2016) cho chị Lục Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Lục Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lục Thị H về việc xin ly hôn với anh Lý Văn C được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do nguyên đơn là chị Lục Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị H và anh Lý Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh L vào ngày 04/7/2016, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm. Kể từ tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng chị H, anh C trong cuộc sống đã không tin tưởng, tôn trọng nhau, có những việc làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nhau. Kể từ sau dịp nghỉ Tết dương lịch năm 2019, hai vợ chồng vì không tôn trọng, tin tưởng nhau nên tuy sống chung một nhà mà đã ly thân. Vào ngày 06/02/2019 (mùng 02 Tết nguyên đán), anh C cho rằng chị H ngoại tình (qua việc phát hiện tin nhắn và hình ảnh chị H chụp ảnh thân mật với người đàn ông khác trên Zalo). Từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ (tại xã T, huyện V, tỉnh L) ngay ngày hôm đó. Từ đó, hai vợ chồng không còn gặp nhau nữa, anh C gọi điện thì chị H không nghe, chỉ nhắn tin. Qua tin nhắn anh C đã khuyên bảo để hai vợ chồng quay lại với nhau nhưng chị H không nghe. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định: *"Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"*. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng anh C, chị H đã không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, dẫn tới phải sống ly thân. Nay chị H một mực yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, tại phiên tòa anh C nhất trí ly hôn vì xác định đã hết tình cảm với chị H. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh C đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H, anh C có một con chung là cháu Lý Xuân T (sinh ngày 21/11/2016). Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C không nhất trí giao con chung cho chị H với lý do chị H không đủ thời gian để chăm sóc con. Hơn nữa, hiện nay, anh đã đi làm và cũng có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. Chị H cho rằng mặc dù công việc của chị là làm theo ca nhưng khi đi làm chị đã gửi con cho cơ sở trông giữ trẻ. Hơn nữa, chị còn nhờ mẹ đẻ lên chăm con chị những khi chị phải làm ca đêm. Kể từ khi chị đón con về nuôi, anh C không một lần đến thăm nom con nhưng chị nuôi dưỡng, chăm sóc cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển tốt. Hơn nữa, cháu Lý Xuân T đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Hội đồng xét xử thấy cháu T hiện đang sống cùng chị H, chị H có công ăn việc làm ổn định, thu nhập bình quân khoảng 8 triệu đồng/tháng (bút lục số 24 -> 26), nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi cháu T. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Nay cả chị H và anh C đều không thỏa thuận được việc nuôi con, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của hai bên đương sự, quyền lợi về mọi mặt của cháu T, quyết định giao cháu Lý Xuân T cho chị Lục Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị H, anh C không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị H và anh Lý Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Xuân T (sinh ngày 21/11/2016) cho chị Lục Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 21/6/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Lục Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2013/05034 ngày 26 tháng 4 năm 2019. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Q;*
- *TAND tỉnh;*
- *THADS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T, huyện V, tỉnh L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm